
NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN Ý ĐỊNH THỰC HIỆN ĐỘC LẬP TÀI CHÍNH - NGHỈ HƯU SỚM CỦA THẾ HỆ MILLENNIALS TẠI VIỆT NAM

Khúc Thế Anh

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: anhkt@neu.edu.vn

Phùng Thanh Quang

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: pt_quang@neu.edu.vn

Vũ Thu Huyền

Trường Đại học xây dựng Hà Nội

Email: Huyenvt@huce.edu.vn

Mã bài báo: JED-756

Ngày nhận: 27/06/2022

Ngày nhận bản sửa: 01/8/2022

Ngày duyệt đăng: 08/8/2022

Tóm tắt

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá tác động của các nhân tố lên ý định theo đuổi độc lập tài chính – nghỉ hưu sớm của thế hệ Millennials tại Việt Nam. Tác giả đã kết hợp nghiên cứu định tính và định lượng để đánh giá. Kết quả chỉ ra rằng các nhân tố xây dựng trên lý thuyết về hành vi có kế hoạch và lý thuyết về dân trí tài chính đều có tác động đến ý định thực hiện FIRE, trong đó riêng Chiết khấu thời gian có ảnh hưởng ngược chiều và cũng là nhân tố có ảnh hưởng rõ rệt nhất. Nghiên cứu cũng cho thấy không có sự khác biệt giữa các nhóm giới tính hay các nhóm thu nhập về ý định thực hiện FIRE. Từ kết quả trên, tác giả đưa ra một số hàm ý chính sách với các cơ quan liên quan trong việc hình thành lối sống tiết kiệm, nâng cao nhận thức về vấn đề hưu trí và hướng tới cuộc sống độc lập tài chính, giảm gánh nặng cho hệ thống an sinh xã hội, đặc biệt với người trẻ tại Việt Nam.

Từ khóa: Độc lập tài chính, dân trí tài chính, millennials, nghỉ hưu sớm, TPB.

Mã JEL: D14, I25, J24.

Determinants influencing the intention to pursue financial independence – retire early of millennials in Vietnam

Abstract:

This study was conducted to evaluate the impact of factors on the intention to pursue financial independence – retire early of the Millennials in Vietnam. The author has combined qualitative and quantitative research to evaluate. The results show that the factors built on the Theory of Planned Behavior and the theory of financial literacy have an impact on the intention to pursue FIRE, in which time discounting has a negative effect and is also the most obvious factor. The study also found that there was no difference in gender and income in terms of intention to pursue FIRE. Finally, the author has suggested some policy implications to relevant agencies in forming a thrifty lifestyle, raising awareness about retirement issues, and moving towards a life of financial independence, reducing the burden on the social security system, especially for young people in Vietnam.

Keywords: Financial independence, financial literacy, millennials, retire early, TPB.

JEL code: D14, I25, J24.

1. Giới thiệu

Lệ thuộc vào tài chính là yếu tố dẫn đến hai vấn đề lớn với người lao động: không tìm được sự thỏa mãn trong công việc, cuộc sống; không tìm được sự thư thái khi nghỉ hưu. Như vậy, nghỉ hưu không còn là dấu mốc quan trọng, do về cơ bản, con người vẫn luôn chống chọi với kế sinh nhai (Lusardi & cộng sự, 2017). Giải thích cho vấn đề thứ nhất là miễn cưỡng lao động để có thu nhập... Vấn đề thứ hai là thiếu chủ động để chuẩn bị cho cuộc sống về hưu, phụ thuộc vào người thân và hệ thống an sinh xã hội. Hai vấn đề trên gây tác động xấu lên sức khỏe thể chất, tinh thần và có thể khiến người về hưu đối mặt với cạn kiệt tài chính (Finke & cộng sự, 2017). Trong vấn đề nghỉ hưu sớm, tất nhiên có nhiều mặt phản đối, nhưng những người ủng hộ trường phái này cho rằng nếu độc lập tài chính sớm sẽ giảm áp lực với an sinh xã hội, và tạo cơ hội cho những người trẻ khác tìm được việc làm tốt hơn. Nghiên cứu này không tập trung vào khía cạnh lợi ích hay tác hại của vấn đề này, mà tập trung giải quyết câu hỏi: nhân tố nào tác động đến ý định nghỉ hưu sớm của thế hệ Millennials tại một nước có nền kinh tế đang chuyển đổi như Việt Nam?

Đối với nhóm nước đang phát triển như Việt Nam, vấn đề về nghỉ hưu được thảo luận trên nhiều góc độ, nhưng phổ biến nhất là vấn đề trì hoãn nghỉ hưu hoặc kéo dài tuổi nghỉ hưu (Doan & cộng sự, 2020). Với nhóm hệ Millennials (sinh năm 1980-1996), thường ít được nhắc tới (do nằm trong độ tuổi vàng của lao động). Taylor & Davies (2021) cho rằng đây là đối tượng phù hợp hơn cả để nghiên cứu do những người ở độ tuổi này không quá sớm để lao động kiếm sống, cũng không quá muộn để chuẩn bị cho FIRE.

Nghiên cứu này dựa trên 2 lý thuyết gốc là lý thuyết về dân trí tài chính (financial literacy) và lý thuyết hành vi có kế hoạch (the theory of planned behavior - TPB) để trả lời câu hỏi nghiên cứu trên. Như vậy, ngoài phần giới thiệu, phần 2 sẽ đưa ra tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết, phần 3 sẽ giới thiệu phương pháp nghiên cứu. Phần 4 và phần 5, tác giả tập trung vào thảo luận kết quả nghiên cứu và hàm ý một số chính sách.

2. Tổng quan nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

2.1. Độc lập tài chính - nghỉ hưu sớm và ý định thực hiện độc lập tài chính - nghỉ hưu sớm

“Độc lập tài chính - nghỉ hưu sớm” (financial independence - retire early, FIRE) là sự kết hợp của hai yếu tố nghỉ hưu sớm và độc lập tài chính. Trong đó, độc lập tài chính được cho là “một cá nhân khi đạt khả năng chi trả cho cuộc sống từ nguồn thu nhập thụ động, giải phóng khỏi sự phụ thuộc vào tiền bạc để xử lý vấn đề của cuộc sống (Robin & Dominguez, 2008). Ở đây, “giải phóng khỏi sự phụ thuộc vào tiền bạc” bao gồm cả vấn đề không cần phụ thuộc từ các khoản nợ, lương hưu hay trợ cấp Chính phủ. Tất nhiên, việc không cần phụ thuộc này mang tính chất bị động. Nếu như một cá nhân chủ động đi vay nợ và tính toán được khả năng trả nợ thì vẫn được coi là độc lập tài chính.

Về khái niệm FIRE, có hai nghiên cứu điển hình đề cập. Thứ nhất, FIRE hướng đến giảm mức tiêu dùng mỗi ngày để tích lũy của cải và đủ sống đến cuối đời (Taylor & Davies, 2021). Thứ hai, FIRE là lối sống mới với mục tiêu tạo ra thu nhập thụ động bền vững, giúp cá nhân thoát khỏi ràng buộc trong công việc được trả lương và tự do sống cuộc sống ý nghĩa (Kumaraguru & Geetha, 2021). Tuy chưa có định nghĩa chính xác, khái niệm dưới đây đang được cộng đồng người theo đuổi FIRE chấp nhận rộng rãi: FIRE là lối sống hướng tới mục tiêu làm chủ hoàn toàn về tài chính trước tuổi nghỉ hưu bằng cách đầu tư phần lớn thu nhập (thường từ 50% đến 70%), đến khi số gốc và lãi đạt được đủ để chi tiêu cho toàn bộ quãng đời còn lại, khi đó người thực hiện FIRE có thể chọn nghỉ hưu hoặc tiếp tục làm việc, đưa ra quyết định cuộc sống mà không phụ thuộc vào tài chính.

Về ý định thực hiện hành vi, nổi tiếng nhất là mô hình TPB được phát triển bởi Ajzen (1991). Ông cho rằng ý định thực hiện hành vi là sự sẵn sàng của một người để thực hiện một hành vi cụ thể. Trong các quan điểm về tài chính, ý định thực hiện hành vi là việc một người sẵn sàng thực hiện một kế hoạch nào đó từ trước có liên quan đến vấn đề tiền bạc (Van Rooij & cộng sự, 2012), hoặc sẵn sàng cho vấn đề hưu trí khi đã có đủ tiền bạc (Satsios & Hadjidakis, 2018; Zandi & cộng sự, 2021). Như vậy, ý định thực hiện độc lập tài chính - nghỉ hưu sớm cũng phù hợp để áp dụng định nghĩa này: là sự sẵn sàng của một người trong việc lập kế hoạch chi tiêu - tiết kiệm - đầu tư để đạt độc lập tài chính, nghỉ hưu sớm. Bản thân các nghiên cứu cũng

cho rằng một số quyết định thực hiện FIRE được đề cập đến như: vấn đề sức khỏe (Lawless, 2016), căng thẳng trong công việc (Sejbaek & cộng sự, 2013), lập kế hoạch từ trước để nghỉ hưu nhằm tận hưởng cuộc sống (Lee & Law, 2004; Finke & cộng sự, 2017; Lusardi & cộng sự, 2011). Ngoài trừ vấn đề sức khỏe, thì các nhân tố khác được thể hiện tại phần 2.2.

2.2. Các nhân tố tác động lên ý định thực hiện độc lập tài chính - nghỉ hưu sớm

2.2.1. Thái độ đối với việc thực hiện độc lập tài chính - nghỉ hưu sớm

Thái độ với hành vi (mã hóa: TD) được đề cập trong mô hình TPB của Ajzen (1991). Thường thì các quan điểm đều định nghĩa đây là việc đánh giá của một cá nhân về kết quả thu được từ việc thực hiện một hành vi cụ thể, ám chỉ mức độ đánh giá thuận lợi hay bất lợi về một hành vi của một cá nhân. Theo Lusardi & Mitchell (2011), những người có thái độ tiêu cực sẽ thiếu đi hành vi lập kế hoạch nghỉ hưu và thất bại trong việc tìm kiếm thông tin về nghỉ hưu. Joo & Grable (2001) cũng cho rằng thái độ tiêu cực đối với tài chính cá nhân và lập kế hoạch nghỉ hưu dẫn đến việc không chuẩn bị chu toàn cho cuộc sống về hưu của cá nhân đó. Quan điểm này phần nào được Sejbaek & cộng sự (2013) ủng hộ khi cho rằng căng thẳng trong công việc cũng gây ra thái độ tiêu cực. Như vậy, kết quả các nghiên cứu đi trước đã ủng hộ ngụ ý rằng những người có thái độ tích cực hơn có khả năng cao hơn sẽ tham gia thực hiện hành vi lập kế hoạch hưu trí. Tác giả đưa ra giả thuyết:

Giả thuyết H1: Thái độ (tích cực) có tác động cùng chiều đến ý định thực hiện FIRE.

2.2.2. Chuẩn chủ quan đối với việc thực hiện độc lập tài chính - nghỉ hưu sớm

Chuẩn chủ quan (mã hóa: CCQ) là áp lực xã hội lên cá nhân dẫn đến ý định thực hiện hành vi (Ajzen, 1991; Venkatesh & cộng sự, 2003). Theo Hershey & cộng sự (2010), gia đình và những người có ảnh hưởng trong xã hội có tác động mạnh tới chất lượng của kế hoạch nghỉ hưu. Nhánh nghiên cứu về dân trí tài chính cũng cho rằng đối với những người có cha mẹ có thu nhập cao hơn thì sẽ sẵn sàng hơn trong việc thực hiện kế hoạch tài chính (Agarwal & cộng sự, 2009; Lusardi & Mitchell, 2017). Một số nghiên cứu cũng đồng thời cho rằng vấn đề nghỉ hưu sớm sẽ được chấp nhận dễ dàng hơn nếu như người xung quanh cũng nghĩ như vậy (Mandell & Klein, 2009; Uppal, 2016). Như vậy, sự chấp thuận của những người quan trọng càng lớn, ý định thực hiện hành vi càng tăng.

Giả thuyết H2: Chuẩn chủ quan có tác động cùng chiều đến ý định thực hiện FIRE.

2.2.3. Nhận thức kiểm soát hành vi thực hiện độc lập tài chính - nghỉ hưu sớm

Nhận thức kiểm soát (mã hóa: KS) là nhận thức của một cá nhân về sự dễ dàng hoặc khó khăn trong việc thực hiện hành vi cụ thể. Nhận thức kiểm soát hành vi được chứng minh có tác động tích cực đến ý định lập kế hoạch nghỉ hưu, tiết kiệm và đầu tư (Griffin & cộng sự, 2012b; Kumaraguru & Geetha, 2021). Trong khi đó, việc kiên trì theo đuổi lối sống tiết kiệm để hiện thực hóa mục tiêu độc lập tài chính - nghỉ hưu sớm không dễ đạt được. Do đó, nghiên cứu này cho rằng:

Giả thuyết H3: Nhận thức kiểm soát hành vi có tác động cùng chiều đến ý định thực hiện FIRE.

2.2.4. Tính chủ động

Theo Smith (2017), tính cách chủ động (mã hóa: CĐ) được dùng để mô tả một người tự bắt đầu, suy tính trước và kiên trì trong hành vi cải thiện và thay đổi kết quả, môi trường sống xung quanh. Những người có tính cách chủ động sẽ giảm được những lo lắng tiền nghỉ hưu. Những lo lắng ấy là kết quả của sự thiếu chuẩn bị (Ugwu & cộng sự, 2021). Parker & cộng sự (2006) cũng chỉ ra tính chủ động càng lớn, ý định lên kế hoạch càng cao. Kết quả này cũng được ủng hộ bởi Griffin & cộng sự (2012b) khi nghiên cứu ý định lập kế hoạch hưu trí. Từ đó, tác giả đề xuất giả thuyết:

Giả thuyết H4: Tính chủ động ảnh hưởng cùng chiều đến ý định thực hiện FIRE.

2.2.5. Chiết khấu thời gian

Bidewell & cộng sự (2006) nhấn mạnh việc cần thiết xem xét đến khái niệm thời gian trong các nghiên cứu về nghỉ hưu. Nhiều quyết định hàng ngày liên quan tới sự đánh đổi giữa thỏa mãn ngay tức thì và hài lòng trong dài hạn. Khi đối diện với sự đánh đổi đó, con người có xu hướng quy giá trị tương lai về với giá

trị hiện tại, gọi là chiết khấu thời gian (time discounting). Nghiên cứu ý định lập kế hoạch hưu trí, Griffin & cộng sự (2012a) cho kết quả chiết khấu thời gian (mã hóa: CK) ảnh hưởng ngược chiều đến ý định. Kết quả này cũng được đồng thuận trong nghiên cứu về dân trí tài chính của Lusardi & Mitchell (2011) hay Lusardi & cộng sự (2017). Do đó, tác giả đề xuất giả thuyết:

Giả thuyết H5: Chiết khấu thời gian ảnh hưởng ngược chiều đến ý định thực hiện FIRE.

2.2.6. Kiến thức tài chính

Kiến thức tài chính (mã hóa: KT) là việc hiểu các khái niệm cơ bản về kinh tế và tài chính gặp phải trong cuộc sống hàng ngày bao gồm: các tính toán đơn giản về lãi suất và lạm phát, phân tán rủi ro, mối quan hệ giữa giá trái phiếu và lãi suất,... (Lusardi & cộng sự, 2017). Van Rooij & cộng sự (2012) ủng hộ quan điểm rằng ảnh hưởng của kiến thức tài chính và việc thiếu kế hoạch tài chính nghỉ hưu làm giảm độ giàu có, hoặc ít nhất là cuộc sống đầy đủ khi về hưu. Nghiên cứu của Morgan & Trinh (2020) cho thấy những người hiểu biết về tài chính có khả năng cao hơn tham gia vào thị trường tài chính và tích lũy dự phòng. Do đó, tác giả đưa ra giả thuyết:

Giả thuyết H6: Dân trí tài chính có ảnh hưởng cùng chiều đến ý định thực hiện FIRE.

2.3. Các nhân tố kiểm soát ý định thực hiện Độc lập tài chính – nghỉ hưu sớm

2.3.1. Giới tính

Giới tính được chỉ ra trong nhiều nghiên cứu là yếu tố kiểm soát ý định nghỉ hưu, dân trí tài chính,... Nghiên cứu của Bhushan & Medury (2013) đo sự khác biệt của giới tính trong việc sẵn sàng về mặt tài chính để nghỉ hưu, cho kết quả nam sẵn sàng nghỉ hưu hơn nữ. Sinha (2018) cũng cho rằng nữ giới hiểu biết về tài chính hơn nam giới. Như vậy, tác giả cho rằng sự khác biệt về giới có thể kiểm soát ý định thực hiện FIRE, từ đó đề xuất giả thuyết để làm rõ vấn đề:

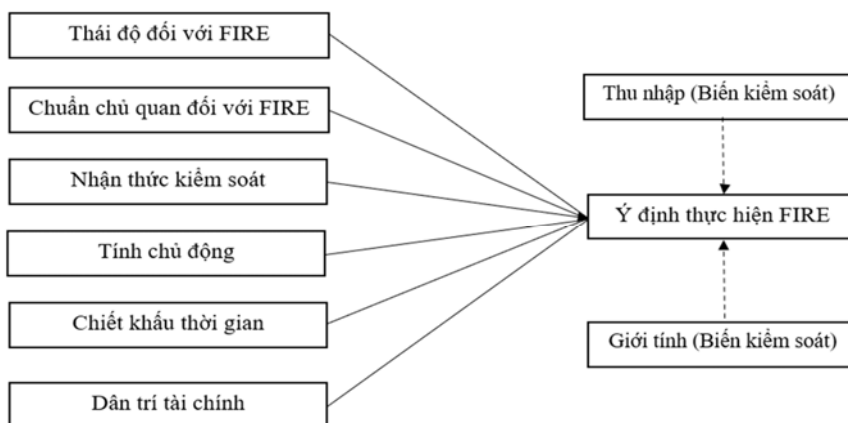
Giả thuyết H8: Có sự khác biệt giữa các nhóm giới tính đối với ý định thực hiện FIRE.

2.3.2. Thu nhập

Việc xem xét đến thu nhập trong phân tích hành vi tiết kiệm cho nghỉ hưu là hợp lý (Garcia & Marques, 2017; Rey-Ares & cộng sự, 2018). Đối với FIRE, do yêu cầu phải tiết kiệm và đầu tư phần lớn thu nhập trong khoảng thời gian dài, yếu tố này nên được xem xét như một biến kiểm soát, cụ thể những người thu nhập cao có xác suất quan tâm đến việc thực hiện FIRE cao hơn những người thu nhập thấp. Để kiểm định lại vấn đề này, nghiên cứu đề xuất giả thuyết:

Giả thuyết H9: Có sự khác biệt giữa các nhóm thu nhập đối với ý định thực hiện FIRE.

Hình 1: Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến ý định thực hiện độc lập tài chính – nghỉ hưu sớm



Nguồn: Tác giả tổng hợp.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Nghiên cứu định tính

Nghiên cứu định tính được thực hiện nhằm đưa ra cách đo lường phù hợp nhất và chọn lọc ra các nhân tố tác động đến ý định thực hiện FIRE tại Việt Nam, cũng như có những điều chỉnh cần thiết phục vụ cho nghiên cứu định lượng về sau. Phỏng vấn sâu được tiến hành với 9 đối tượng đã hoặc đang thực hiện FIRE, trong đó các đối tượng sinh sống và làm việc chủ yếu tại Việt Nam, với nghề nghiệp đa dạng và độ tuổi từ 25-42 tuổi. Các cuộc phỏng vấn được tiến hành trực tuyến thông qua nền tảng Google Meet, mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài từ 15-34 phút.

Kết quả định tính sau khi phỏng vấn sâu cho thấy các nhân tố tác động lên ý định thực hiện FIRE bao gồm: thái độ, chuẩn chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi, tính chủ động, dân trí tài chính và tính chiết khấu thời gian. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy nên xem xét tới vấn đề thu nhập và giới tính có thể kiểm soát ý định thực hiện độc lập tài chính - nghỉ hưu sớm của mỗi nhóm đối tượng.

3.2. Nghiên cứu định lượng

3.2.1. Xây dựng phiếu hỏi và thang đo

Trong nghiên cứu này, các thang đo đều được xây dựng trên cơ sở các nghiên cứu trước đó và hiệu chỉnh cho phù hợp với đối tượng và phạm vi nghiên cứu. Cụ thể, thang đo thái độ và kiến thức tài chính đều có 5 chỉ báo; chuẩn chủ quan 4 chỉ báo; nhận thức kiểm soát hành vi, tính chủ động và chiết khấu thời gian, ý định thực hiện FIRE đều có 3 chỉ báo. Các chỉ báo này được xây dựng theo trên cơ sở các nghiên cứu tại phần 2 – tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết; nhưng được hiệu chỉnh cho phù hợp với phạm vi nghiên cứu là thế hệ Millennials tại Việt Nam.

3.2.2. Mẫu nghiên cứu

Do ảnh hưởng của dịch bệnh, bảng hỏi được phát đến người trả lời thông qua Google form. Trong số này, tác giả chủ yếu phỏng vấn ở các thành phố, bởi đây là nơi có lực lượng lao động tương đối lành nghề, và có thể thực hiện nghỉ hưu sớm. Kết quả thống kê nghiên cứu cụ thể như Bảng 1.

Bảng 1: Thống kê mẫu nghiên cứu

Nhân tố	Biến quan sát	Tần suất	Tỷ trọng
Giới tính	Nam	169	55,0%
	Nữ	138	45,0%
Độ tuổi	25-30 tuổi	175	57,0%
	31-35 tuổi	93	30,3%
	36-40 tuổi	39	12,7%
Trình độ học vấn	Tốt nghiệp trung học phổ thông trở xuống	26	8,5%
	Tốt nghiệp Đại học/Trung cấp/Cao đẳng	218	71,0%
	Sau đại học	63	20,5%
Thu nhập	Dưới 10 triệu Việt Nam đồng (VND)	56	18,2%
	Từ 10 triệu đến dưới 20 triệu VND	102	33,2%
	Từ 20 triệu VND đến dưới 30 triệu VND	47	15,3%
	Từ 30 triệu VND đến dưới 50 triệu VND	44	14,3%
	Trên 50 triệu VND	58	18,9%
Chỉ tiêu thiết yếu trên thu nhập	Dưới 10%	13	4,2%
	Từ 10% đến dưới 30%	103	33,6%
	Từ 30% đến dưới 50%	115	37,5%
	Từ 50% đến dưới 70%	67	21,8%
	Trên 70%	9	2,9%

Nguồn: Tổng hợp của tác giả.

Tổng số quan sát phân tích là 307 quan sát, bao gồm 169 nam (55%) và 138 nữ (45%), tỷ lệ khá đồng đều. Mẫu tập trung ở độ tuổi 25-30 tuổi, chiếm 57%, sau đó là độ tuổi từ 31-35 tuổi với 30,3%. Đối tượng khảo sát có mức thu nhập chủ yếu từ 10-20 triệu VND/tháng (chiếm 33,2%), đa phần nhóm đối tượng được phỏng vấn đều có mức chi tiêu thiết yếu trong khoảng 10%-50%, và có trình độ cao.

4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả phân tích nhân tố theo mô hình nghiên cứu đề xuất cho hệ số KMO = 0,784 > 0,5, phân tích nhân tố là phù hợp. Kết quả phân tích nhân tố lần 1 với 7 nhân tố thành phần được xác định theo lý thuyết với phép quay Varimax cho ta kết quả chỉ được 6 nhân tố thành phần. Các chỉ báo đo lường nhân tố “kiểm soát” và “tính chủ động” tụ lại thành một nhân tố tổng. Để đảm bảo chắc chắn các nhân tố đo lường chính xác các nhân tố tổng, tác giả tiến hành chạy lại phân tích nhân tố lần 2 với 6 nhân tố chỉ định và thu được nhóm các nhân tố phù hợp. Khi xem xét lại ý nghĩa các chỉ báo thuộc nhân tố “kiểm soát” và “tính chủ động”, tác giả chấp nhận gọi chung thành biến “kiểm soát hành vi”. Kết quả phân tích nhân tố cho ta thấy mô hình nghiên cứu sẽ phải thay đổi. Mô hình nghiên cứu lúc này sẽ là nhân tố “ý định sử dụng” (3 chỉ báo) bị tác động bởi thái độ đối với hành vi (3 chỉ báo), chuẩn chủ quan (4 chỉ báo), kiểm soát hành vi (6 chỉ báo), chiết khấu thời gian (3 chỉ báo) và kiến thức tài chính (5 chỉ báo).

Bảng 2: Kiểm định KMO và Bartlett

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		,784
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-square	2514,738
	Df	210
	Sig.	,000

Nguồn: Kết quả tính toán từ SPSS 22.

Trị số KMO đạt 0,784 chứng tỏ phân tích nhân tố là phù hợp với tập dữ liệu nghiên cứu. Kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (Sig = 0,000 < 0,05), chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong nhân tố. Bên cạnh đó, tổng phương sai trích bằng 61,876% tức 61,876 % sự thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi các biến quan sát, các giá trị Eigenvalue của các nhân tố đều lớn hơn 1 và các hệ số tải đều lớn hơn 0,4. Từ kết quả trên, tác giả đi đến kiểm định các giả thuyết bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS).

Bảng 3: Tóm tắt mô hình định lượng chính thức

Mẫu	R	R bình phương	R bình phương điều chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Durbin-Watson
1	,589a	,347	,337	,64217	1,815

Bộ dự báo: (hàng số), Thái độ, Chuẩn chủ quan, Nhận thức kiểm soát hành vi, Chiết khấu thời gian, Kiến thức tài chính
Biến phụ thuộc: Ý định

Nguồn: Kết quả tính toán từ SPSS 22.

Từ Bảng 3 có thể đưa ra kết luận sau:

Giá trị R bình phương điều chỉnh đạt 33,7%, tức 5 biến độc lập trong mô hình giải thích được 33,7% sự thay đổi của biến phụ thuộc (Ý định thực hiện FIRE), 66,3% còn lại đến từ các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên.

Giá trị Durbin-Watson dùng để kiểm tra hiện tượng tự tương quan trong phần dư, ở kết quả này hệ số đạt 1,815 đáp ứng trong khoảng từ 1 đến 3, tức mô hình hồi quy không có tự tương quan.

Sau khi tiến hành kiểm định ANOVA, giá trị Sig. = 0,000 < 0,05 chứng tỏ mô hình có khả năng suy diễn ra tổng thể. Hệ số phóng đại phương sai (VIF) của cả 5 biến độc lập đều nhỏ hơn 2 tức mô hình không xảy ra đa cộng tuyến. Phương trình hồi quy chuẩn hóa được rút ra như sau:

$$YD = 0,183 \times TD + 0,184 \times CCQ + 0,223 \times KS + 0,121 \times KT - 0,231 \times CK$$

Đối với các biến kiểm soát, kết quả của mô hình thể hiện như Bảng 4, 5, 6.

Bảng 4: Kiểm định các biến kiểm soát giới tính

	Thống kê Levene	Bậc tự do (df1)	Bậc tự do (df2)	Mức ý nghĩa (Sig.)
Giới tính	6,018	1	305	,015
Thu nhập	1,554	4	302	,187

Nguồn: Kết quả tính toán từ SPSS 22.

Bảng 5: Kiểm định Welch với biến kiểm soát Giới tính

Thống kê Welch	Bậc tự do (df1)	Bậc tự do (df2)	Mức ý nghĩa (Sig.)
,077	1	296,666	,781

Nguồn: Kết quả tính toán từ SPSS 22.

Bảng 6: Kết quả phân tích ANOVA với biến kiểm soát Thu nhập

	Tổng chênh lệch bình phương	Bậc tự do (df)	Bình phương trung bình	Kiểm định F	Mức ý nghĩa (Sig.)
Giữa các nhóm	,963	4	,241	,384	,820
Nội bộ nhóm	189,240	302	,627		
Tổng	190,203	306			

Nguồn: Kết quả tính toán từ SPSS 22.

Kết quả của mô hình cho thấy Sig của các mô hình thuộc Bảng 4, 5 và 6 đều lớn hơn 0,05 nên có thể cho rằng các biến kiểm soát không tác động đến ý định thực hiện FIRE của thế hệ Millennials.

5. Thảo luận kết quả và hàm ý chính sách

5.1. Thảo luận kết quả nghiên cứu

5.1.1. Thái độ

Kết quả phân tích cho thấy thái độ đối với FIRE có tác động cùng chiều với ý định thực hiện, phù hợp với Griffin & cộng sự (2012b) hay Satsios & Hadjidakis (2018). Giải thích thêm cho kết quả này, khi nhìn nhận FIRE là một quá trình tiết kiệm kham khổ, cá nhân có thể cảm thấy khó chịu và từ bỏ ý định thực hiện. Chính vì vậy việc định hướng tư duy, cách nhìn nhận đúng đắn về đầu tư - tiết kiệm - lập kế hoạch nghỉ hưu có thể thay đổi thái độ, làm cho cá nhân tăng ý định thực hiện FIRE.

5.1.2. Chuẩn chủ quan

Chuẩn chủ quan có tác động thuận chiều, góp phần ảnh hưởng tích cực đến ý định thực hiện FIRE. Kết luận này hoàn toàn phù hợp với mô hình TPB được nghiên cứu và chứng minh bởi Ajzen (1991) hay nghiên cứu về quyết định tiết kiệm cho nghỉ hưu của Kumaraguru & Geetha (2021) rằng một cá nhân sẽ có nhiều khả năng tiết kiệm cho nghỉ hưu hơn nếu như người đó có được sự ủng hộ của bạn bè, gia đình, họ hàng và các mối quan hệ xã hội khác. Điều này đúng với thực tế tại Việt Nam khi chủ nghĩa tập thể có tác động khá sâu sắc tới quyết định của một cá nhân. Như vậy cần có các chương trình giáo dục, tuyên truyền về lợi ích và những việc nên làm để theo đuổi độc lập tài chính, cũng như kiểm soát các thông tin sai lệch trên phương tiện truyền thông.

5.1.3. Nhận thức kiểm soát hành vi

Nhận thức kiểm soát hành vi có tác động thuận chiều đối với ý định thực hiện FIRE, tương đồng với Griffin & cộng sự (2012b) hay Satsios & Hadjidakis (2018). Theo đó, việc xem xét các trải nghiệm trước đây và đánh giá những trở ngại tương lai, những nguồn lực mà mình có là nhân tố quan trọng tác động lên ý định thực hiện FIRE. Do vậy, điều cần thiết với người có ý định thực hiện FIRE là cần đánh giá đúng những

nguồn lực đang có và dự tính những khó khăn, trở ngại có thể xảy đến trong tương lai.

5.1.4. Chiết khấu thời gian

Sự khác biệt về tính chiết khấu thời gian có ảnh hưởng mạnh nhất và ngược chiều, tức người càng có xu hướng ưa thích tận hưởng hiện tại càng ít có ý định thực hiện FIRE. Bidewell & cộng sự (2006) cho rằng những người này thường tiết kiệm ít và không kiểm soát được tài chính để đáp ứng nhu cầu ở tuổi già; Griffin & cộng sự (2012b) cũng cho kết quả chiết khấu thời gian ảnh hưởng ngược chiều đến ý định lập kế hoạch nghỉ hưu. Tuy quan điểm sống của mỗi người nên được tôn trọng, việc nâng cao nhận thức về tiết kiệm, dự phòng cho tương lai là cần thiết để tránh hậu quả cạn kiệt tài chính.

5.1.5. Kiến thức tài chính

Kiến thức tài chính có tác động cùng chiều với ý định thực hiện FIRE, tuy nhiên mức độ tác động thấp nhất. Đối với FIRE, việc có hiểu biết tài chính là cần thiết bởi người thực hiện cần đưa ra các quyết định về tiết kiệm, đầu tư,... Khi có kiến thức tốt, khả năng đầu tư, tiết kiệm hay đưa ra các quyết định tài chính sẽ càng tốt hơn, và sẵn sàng cho nghỉ hưu hơn (Lusardi & cộng sự, 2017). Vấn đề này có thể giải thích đối với thế hệ Millennials tại Việt Nam như sau: nghỉ hưu sớm là một lựa chọn quan trọng, bị chi phối bởi các yếu tố về phong cách sống, tâm lý, tác động từ những người xung quanh, niềm tin vào nguồn lực sẵn có. Đa phần thế hệ này đều có học vấn cao, nhưng nhiều nhân tố tác động nên kiến thức tốt chưa chắc đã chọn con đường an toàn.

5.1.6. Các biến kiểm soát

Cả giới tính và thu nhập không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ý định thực hiện FIRE, ngược lại với nghiên cứu của Topa & cộng sự (2018), Bhushan & Medury (2013) hay Sinha (2018). Thực tế với thế hệ Millennials ở Việt Nam, do ít chịu ảnh hưởng từ bất bình đẳng giới hơn thế hệ trước, nữ giới đã có tiếng nói và địa vị hơn trong xã hội, cũng như có nhiều cơ hội tham gia vào các hoạt động đầu tư tài chính, được trau dồi kiến thức tài chính,... Đồng thời, dù tỷ lệ nam giới làm việc trong lĩnh vực tài chính lớn hơn nữ giới, người phụ nữ lại thường chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu trong gia đình dẫn đến không có nhiều khác biệt.

Mặc dù yêu cầu của việc thực hiện FIRE là phải tiết kiệm phần lớn thu nhập trong thời gian dài và có thể gây khó khăn cho những người có thu nhập thấp, tuy nhiên nếu cá nhân có kế hoạch tài chính phù hợp và kỷ luật trong thực hiện thì có thể thành công mà không lệ thuộc vào thu nhập (cũng là quan điểm của các đối tượng đã hoặc đang thực hiện FIRE mà tác giả thực hiện phỏng vấn sâu).

5.2. Hàm ý chính sách

Thứ nhất, xây dựng các chương trình nhằm nâng cao dân trí tài chính, tạo cơ hội tiếp cận với các công cụ tài chính cho thế hệ Millennials tại Việt Nam (xây dựng khung chương trình đào tạo chuẩn, tập huấn cho cán bộ địa phương, địa phương tổ chức các lớp học nhỏ,...). Bên cạnh đó, dù không có khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm thu nhập lên ý định thực hiện FIRE, nhưng việc chú trọng nâng cao dân trí tài chính và tăng độ tiếp cận với các dịch vụ tài chính cho nhóm thu nhập thấp là cần thiết, do đây vẫn là nhóm đối tượng dễ tổn thương khi gặp những biến động cá nhân hoặc biến động mang tính hệ thống như khủng hoảng, dịch bệnh.

Thứ hai, phát triển hạ tầng công nghệ và khuyến khích người dân sử dụng công nghệ để tăng tiếp cận với các thông tin, dịch vụ tài chính. Nên tận dụng lợi thế tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh và mạng internet tương đối cao để đưa các thông tin, hướng dẫn hữu ích về tài chính cá nhân đến người dân. Ngoài ra, cũng chú trọng phát triển cơ hội với các nhóm lao động lành nghề, bởi đây là nhóm có thu nhập tương đối cao, dễ thực hiện FIRE.

Thứ ba, xem xét đưa tài chính cá nhân vào giảng dạy trong chương trình giáo dục phổ thông, đại học. Tài chính cá nhân là kỹ năng rất quan trọng với sinh viên đại học, do nhóm đối tượng này bắt đầu xây dựng cuộc sống riêng, độc lập đưa ra các quyết định tài chính. Không những thế, tài chính cá nhân nên được giáo dục sớm cho thế hệ trẻ bằng cách lồng ghép tài chính cá nhân vào các bài toán thực tế trong chương trình toán học bậc phổ thông.

Thứ tư, để định hướng tư duy, cách nhìn nhận đúng đắn về đầu tư - tiết kiệm - lập kế hoạch nghỉ hưu nói

riêng và thay đổi thái độ đối với FIRE nói chung, cần có các chương trình giáo dục, tuyên truyền về lợi ích của độc lập tài chính, những việc nên làm để theo đuổi độc lập tài chính, cũng như kiểm soát các thông tin sai lệch trên phương tiện truyền thông. Các kế hoạch truyền thông nên linh hoạt để phù hợp với địa phương, ở khu vực nông thôn do tính truyền miệng cao nên có thể lập các hội, nhóm vừa là các tổ tiết kiệm dưới hình thức hộ/hội/phường, vừa hỗ trợ truyền thông.

6. Kết luận

Độc lập tài chính - nghỉ hưu sớm là vấn đề mới và chưa được nghiên cứu nhiều trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Các nghiên cứu hiện tại tập trung vào nghỉ hưu, nghỉ hưu sớm hay độc lập tài chính một cách riêng lẻ và chưa đề cập đến tính liên kết của các vấn đề trên, như vậy nghiên cứu của nhóm đã bổ sung vào khoảng trống này. Một trong những đóng góp của nghiên cứu là phát hiện ra nhân tố có ảnh hưởng tới ý định thực hiện FIRE của thế hệ Millennials tại Việt Nam, bao gồm thái độ, chuẩn chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi, tính chiết khấu thời gian và dân trí tài chính, trong đó tính chiết khấu thời gian có tác động mạnh nhất. Nghiên cứu cũng chỉ ra không có sự khác biệt về giới và thu nhập trong ý định thực hiện FIRE. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng gặp phải một số hạn chế như chưa đánh giá ảnh hưởng của tình trạng hôn nhân, áp lực công việc, tình trạng sức khỏe, xuất thân gia đình hoặc số người phụ thuộc. Các hạn chế này sẽ được bổ sung trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

- Agarwal, S., John, D., Xavier, G. & David, L. (2009), 'The age of reason: Financial decisions over the life-cycle and implications for regulation', *Brookings Papers on Economic Activity Spring*, 40(2), 51-117.
- Ajzen, I. (1991), 'The theory of planned behavior', *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50, 179-211.
- Bhushan, P. & Medury, Y. (2013), 'Gender differences in investment behavior among employees', *Asian Journal of Research in Business Economics Management*, 3(12), 147-157.
- Bidewell, J., Griffin, B. & Hesketh, B. (2006), 'Timing of retirement: Including a delay discounting perspective in retirement models', *Journal of Vocational Behavior*, 68(2), 368-387.
- Doan, T.M.H., Pham, H.Q. & Tran, T.M.P. (2020), 'Impact of meaningful work on elderly people's intention to continue working after retirement: A Vietnamese study', *proceeding of E3S Web of Conferences*, EDP Science, 1-9.
- Finke, M.S., Howe, J.S. & Huston, S.J. (2017), 'Old age and the decline in financial literacy', *Management science*, 63(1), 213-230.
- Garcia, M.T.M. & Marques, P.D.C.V. (2017), 'Ownership of individual retirement accounts—an empirical analysis based on SHARE', *International review of applied economics*, 31(1), 69-82.
- Griffin, B., Hesketh, B. & Loh, V. (2012a), 'The influence of subjective life expectancy on retirement transition and planning: A longitudinal study', *Journal of Vocational Behavior*, 81(2), 129-137.
- Griffin, B., Loe, D. & Hesketh, B. (2012b), 'Using proactivity, time discounting, and the theory of planned behavior to identify predictors of retirement planning', *Educational Gerontology*, 38(12), 877-889.
- Hershey, D.A., Henkens, K. & Van Dalen, H.P. (2010), 'Aging and financial planning for retirement: Interdisciplinary influences viewed through a cross-cultural lens', *The International Journal of Aging and Human Development*, 70(1), 1-38.
- Joo, S.H. & Grable, J.E. (2001), 'Factors associated with seeking and using professional retirement-planning help', *Family and consumer sciences research journal*, 30(1), 37-63.
- Kumaraguru, L. & Geetha, C. (2021), 'Predicting retirement preparation based on proactivity, time discounting and theory of planned behavior (TPB)', *International Journal of Academic Research in Business and Social Sciences*, 11(9), 1660-1680.
- Lawless, M. (2016), 'Determinants of early withdrawal and of early withdrawal by reason of disability from the Irish labour force in the third age', PhD thesis, University College Dublin, Ireland.
- Lee, W.K.M. & Law, K.W.K. (2004), 'Retirement planning and retirement satisfaction: The need for a national retirement program and policy in Hong Kong', *Journal of Applied Gerontology*, 23(3), 212-233.

-
- Lusardi, A., Michaud, P.C. & Mitchell, O.S. (2011), 'Optimal financial literacy and saving for retirement', *Wharton School Pension Research Council Working Paper WP2011-20*, Wharton School Pension Research Council.
- Lusardi, A. & Mitchell, O.S. (2011), *Financial literacy and planning: Implications for retirement wellbeing*, National Bureau of Economic Research,
- Lusardi, A., Michaud, P.C. & Mitchell, O.S. (2017), 'Optimal financial knowledge and wealth inequality', *Journal of political Economy*, 125(2), 431-477.
- Lusardi, A. & Mitchell, O.S. (2017), 'How ordinary consumers make complex economic decisions: Financial literacy and retirement readiness', *Quarterly Journal of Finance*, 7(03), 1750008-1750031.
- Mandell, L. & Klein, L.S. (2009), 'The impact of financial literacy education on subsequent financial behavior', *Journal of Financial Counseling Planning*, 20(1), 15-24.
- Morgan, P.J. & Trinh, L.Q. (2020), 'Fintech and financial literacy in Viet Nam', *ADB Working Paper Series*, Japan.
- Parker, S.K., Williams, H.M. & Turner, N. (2006), 'Modeling the antecedents of proactive behavior at work', *Journal of applied psychology*, 91(3), 636-652.
- Rey-Ares, L., Fernández-López, S. & Vivel-Búa, M. (2018), 'The influence of social models on retirement savings: Evidence for European countries', *Social Indicators Research*, 136(1), 247-268.
- Robin, V. & Dominguez, J. (2008), *Your money or your life: 9 Steps to transforming your relationship with money and achieving financial independence: Fully revised and updated for 2018*, Penguin, England.
- Satsios, N. & Hadjidakis, S. (2018), 'Applying the Theory of Planned Behaviour (TPB) in saving behaviour of Pomak households', *International Journal of Financial Research*, 9(2), 122-133.
- Sejbaek, C., Hageman, I., Pinborg, A., Hougaard, C. & Schmidt, L. (2013), 'Incidence of depression and influence of depression on the number of treatment cycles and births in a national cohort of 42 880 women treated with ART', *Human Reproduction*, 28(4), 1100-1109.
- Sinha, S. (2018), 'Gender digital divide in India: Impacting women's participation in the labour market', in *Reflecting on India's development*, Springer, 293-310.
- Smith, L. (2017), 'Relationship of proactive personality, financial planning behavior and life satisfaction', PhD Thesis, Georgia State University.
- Taylor, N. & Davies, W. (2021), 'The financialization of anti-capitalism? The case of the 'Financial Independence Retire Early 'community'', *Journal of Cultural Economy*, 14(6), 694-710.
- Topa, G., Depolo, M. & Alcover, C.M. (2018), 'Early retirement: a meta-analysis of its antecedent and subsequent correlates', *Frontiers in Psychology*, 8, 1-24.
- Ugwu, L.E., Enwereuzor, I.K., Nwankwo, B.E., Ugwueze, S., Ogba, F.N., Nnadozie, E.E., Elom, C.O., Eze, A. & Ezech, M.A. (2021), 'Proactive personality and social support with pre-retirement anxiety: Mediating role of subjective career success', *Frontiers in Psychology*, 12, 1-15.
- Uppal, S. (2016), *Financial literacy and retirement planning*, Statistics Canada, Canada.
- Van Rooij, M.C., Lusardi, A. & Alessie, R.J. (2012), 'Financial literacy, retirement planning and household wealth', *The Economic Journal*, 122(560), 449-478.
- Venkatesh, V., Morris, M.G., Davis, G.B. & Davis, F.D. (2003), 'User acceptance of information technology: Toward a unified view', *MIS quarterly*, 27, 425-478.
- Zandi, G., Torabi, R., Yu, O.T., Sivalingam, A.D. & Khong, T.T. (2021), 'Factors affecting the intention of generation Y in Malaysia to invest for retirement', *Advances in Mathematics: Scientific Journal*, 10, 1485-1507.
-